

Bản án số: 425/2022/HC-PT

Ngày 13 tháng 6 năm 2022

V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính
trong quản lý Nhà nước về đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Bà Trần Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 134/2022/TLPT-HC ngày 22 tháng 3 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2021/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 834/2022/QĐPT-HC ngày 16 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955; địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng (Có mặt).

2. *Người bị kiện:*

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Bùi Văn V; chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện C, theo Giấy ủy quyền số 03/GUQ-UBND ngày 06-7-2021 (Vắng mặt, có đơn đề nghị xử vắng mặt).

2.2. Chi cục Thuế khu vực Đ - Đ - C; địa chỉ: Khu 8, Thị Trấn Đ, Huyện C, Tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Văn Q, chức vụ: Phó chi cục Trưởng Chi cục Thuế khu vực Đ - Đ - C, theo Giấy ủy quyền số 1746/CCTKV-HCNS ngày 10/6/2022 (Có mặt).

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm S, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh L, theo Giấy ủy quyền số 2865/UBND-TD ngày 10-5-2021 (Vắng mặt, có đơn đề nghị xử vắng mặt).

Người kháng cáo: Người khởi kiện - bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của người khởi kiện trong quá trình tham gia tố tụng như sau: Toàn bộ diện tích đất của gia đình bà Nguyễn Thị H đang sử dụng tại tổ dân phố 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng có nguồn gốc do ông Nguyễn Đăng N và bà Lê Thị R tặng cho vào thời điểm năm 1985. Gia đình bà H đã xây dựng nhà ở trên đất từ thời điểm được tặng cho năm 1985 và sinh sống ổn định. Diện tích 162m² thuộc thửa đất số 552, tờ bản đồ số 26, thị trấn Cát Tiên bà H đã đóng thuế sử dụng đất và thuế nhà, đất hàng năm từ khi sử dụng đến nay. Khi bà H làm hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với diện tích trên với hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất nhưng không được chấp nhận.

Theo Thông báo ngày 14-9-2018 của Chi cục Thuế huyện C (nay là Chi cục Thuế khu vực Đ - Đ - C) yêu cầu bà H nộp hai khoản tiền là Lệ phí trước bạ 642.000 đồng và giá trị nhà, đất là 128.400.000 đồng. Bà H chỉ đồng ý nộp lệ phí trước bạ số tiền 642.000 đồng, còn tiền giá trị nhà, đất thì bà H không đồng ý vì bà H thuộc diện người sử dụng đất trước ngày 15-10-1993, đã đóng thuế sử dụng đất và thuế nhà, đất hàng năm đầy đủ từ khi sử dụng đến nay thì phải được giao đất không thu tiền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

Không đồng ý với Thông báo thuế nêu trên, bà H đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện C, Chủ tịch UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 647/QĐ-UBND ngày 03-6-2020 với nội dung: “*Không chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị H đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 162m² thuộc thửa đất số 552, tờ bản đồ số 26, thị trấn Cát Tiên với hình thức không thu tiền sử dụng đất*”.

Bà H tiếp tục khiếu nại đến chủ tịch UBND tỉnh L, chủ tịch UBND tỉnh L đã ban hành Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 26-11-2020 với nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà H.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các quyết định sau:

- Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất số LTB1870321-Tk0002260/TB-CCT ngày 14-9-2018 của Chi cục Thuế huyện C;
- Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB1870321-TK0002265/TB-CCT ngày 14-9-2018 của Chi cục Thuế huyện C;
- Quyết định số 647/QĐ-UBND ngày 03-6-2020 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H (lần đầu);
- Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 26-11-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L về giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H (lần 2).

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện - Chủ tịch UBND huyện C trình bày trong quá trình tham gia tố tụng như sau:

Nội dung đơn bà H khiếu nại được UBND huyện C thụ lý giải quyết: bà H không thống nhất việc UBND huyện thu tiền sử dụng đất để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (công nhận quyền sử dụng đất ở) với diện tích 162m², tại thửa số 552, tờ bản đồ số 26, thị trấn Cát Tiên. Vì bà H cho rằng gia đình bà đã đóng tiền thuê sử dụng đất và thuê nhà, đất hàng năm đủ 400m² (theo hạn mức). Trong đó, có diện tích 162m² nêu trên.

Đối với quy trình giải quyết đơn:

- Ngày 17-3-2020, UBND huyện đã tiếp nhận nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị H, cư trú tại tổ dân phố 1, thị trấn C, huyện C.

- Ngày 19-3-2020, UBND huyện ban hành Thông báo số 63/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị H. Cùng ngày, UBND huyện ban hành Quyết định số 373/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị H.

- Ngày 23-3-2020, Chánh Thanh tra huyện ban hành Quyết định số 06/QĐ-TTr về việc xác minh nội dung đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị H và phê duyệt Kế hoạch số 08/KH-ĐXM về việc xác minh nội dung khiếu nại của Đoàn xác minh.

- Ngày 07-5-2020, Thanh tra huyện Cát Tiên ban hành Báo cáo số 18/BC-TTr về kết quả xác minh nội dung đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị H.

- Ngày 28-5-2020, UBND huyện tổ chức đối thoại với bà Nguyễn Thị H.

- Ngày 03-6-2020, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 647/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu) của bà Nguyễn Thị H.

Kết quả giải quyết đơn:

- Về nguồn gốc đất bà Nguyễn Thị H đề nghị cấp thêm với diện tích 162m² đất ở đô thị tại thửa số 552, tờ bản đồ số 26, thị trấn Cát Tiên và quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H.

Toàn bộ diện tích đất của gia đình bà Nguyễn Thị H đang sử dụng tại tổ dân phố 1, thị trấn C có nguồn gốc do ông Nguyễn Đăng N và bà Lê Thị R tặng cho vào thời điểm năm 1985. Theo tờ bản đồ địa chính số 08, thị trấn Cát Tiên (đo đạc năm 1991) thì diện tích đất của hộ bà Nguyễn Thị H sử dụng thuộc thửa số 32, diện tích 928m²; thửa số 33, diện tích 847m² và thửa 31 (liền kề với thửa 32, không thể hiện diện tích và là đất hoang, chưa sử dụng). Năm 1985, hộ bà Nguyễn Thị H xây dựng nhà ở trên thửa đất số 32. Năm 2000, hộ bà Nguyễn Thị H chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 31 và một phần thửa đất số 32 cho các ông, bà: Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn H, Hoàng Văn T. Sau khi chuyển nhượng, hộ bà H sử dụng diện tích 184m² còn lại của thửa số 32 và toàn bộ thửa số 33. Năm 2009, bà Nguyễn Thị H tiếp tục xây nhà ở trên thửa số 552 (thửa gốc là thửa số 33).

- Đối với nội dung bà Nguyễn Thị H đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 162m² thuộc thửa đất số 552, tờ bản đồ số 26 với hình thức không thu tiền sử dụng đất với lý do bà Nguyễn Thị H cho rằng gia đình bà đã đóng thuế sử dụng đất và thuế nhà, đất hàng năm đủ 162m².

Qua kiểm tra bản đồ địa chính đo đạc năm 1991, đo chỉnh lý năm 2001 của thị trấn Đ (nay là thị trấn C) thì diện tích 162m² thuộc thửa đất số 552, tờ bản đồ số 26 thể hiện là đất màu và một phần diện tích đất là hành lang bảo vệ suối Hai Cô. Năm 2010, dự án xây dựng cầu Hai Cô được triển khai thực hiện thì tuyến đường mới đi qua cầu Hai Cô nằm phía sau thửa đất số 32, tờ bản đồ số 8, diện tích 184m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H.

Sau khi dự án cầu Hai Cô hoàn thành bà Nguyễn Thị H đề nghị đo đạc và đăng ký xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 552, tờ bản đồ số 26, diện tích 162m², thời điểm sử dụng đất, xây dựng nhà ở trên đất thửa đất số 552, tờ bản đồ số 26, diện tích 162m² của bà Nguyễn Thị H là năm 2009 (theo Báo cáo số 25/BC- UBND ngày 17-3-2020 của UBND thị trấn C về việc lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc đất của bà Nguyễn Thị H, cư trú tại tổ dân phố 1, thị trấn C).

Căn cứ vào hồ sơ đề nghị xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H được đo đạc và kê khai đăng ký năm 2015, nguồn gốc sử dụng và tài sản tạo lập trên đất, phiếu lấy ý kiến khu dân cư của UBND thị trấn C và Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 05-12-2014 của UBND tỉnh L ban hành quy định hạn mức giao đất ở và hạn mức công nhận đất ở đối với thửa đất có vườn, ao trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Phòng Tài nguyên và Môi trường đã thẩm định và trình UBND huyện xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị H với diện tích 162m², trong đó, diện tích đất ở đô thị trong hạn mức (300m²) là 116m², đất ở đô thị vượt hạn mức là 46m² và chuyển thông tin địa chính cho Chi cục Thuế huyện C (nay là Chi cục Thuế khu vực Đ - Đ - C) để xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, đến nay hộ bà Nguyễn Thị H vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính để nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà yêu cầu cấp đủ 162m² đất ở đô thị cho gia đình bà với hình thức không thu tiền sử dụng đất với lý do bà đã đóng đủ tiền thuế nhà, đất từ năm 1996 đến năm 2010.

Đối với việc bà Nguyễn Thị H cho rằng bà đã đóng đủ tiền thuế sử dụng đất hàng năm (bà cung cấp biên lai đóng thuế và sổ theo dõi thu thuế) trong đó có diện tích 162m² nêu trên. Qua kiểm tra, rà soát cho thấy:

- Về nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp: Căn cứ Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 1993, được quy định tại Điều 1, Điều 2 và Điều 5.

- Về nộp thuế nhà đất: Căn cứ Pháp lệnh về thuế nhà, đất năm 1991, được quy định tại Điều 1, Điều 2 và Điều 8.

- Về thuế sử dụng đất hàng năm căn cứ tại Điều 4, Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Khoản 2, Điều 3, Thông tư số 153/2011/TT-BTC ngày 11-11-2011 của Bộ Tài chính và Điều 21, Luật đất đai năm 2013.

Như vậy, việc bà Nguyễn Thị H đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đủ diện tích đất ở đối với diện tích 162m² thuộc thửa đất 552, tờ bản đồ số 26 với hình thức không thu tiền sử dụng đất với lý do bà Nguyễn Thị H cho rằng gia đình bà đã đóng thuế sử dụng đất và thuế nhà, đất hàng năm đủ 400m². Trong đó, có diện tích 162m² nêu trên là không có cơ sở xem xét giải quyết vì căn cứ các quy định pháp luật với hồ sơ do bà Nguyễn Thị H cung cấp (biên lai đóng thuế và sổ theo dõi thu thuế) cho thấy hộ bà Nguyễn Thị H chỉ đóng thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế nhà, đất hàng năm cho Nhà nước, không phải nộp tiền sử dụng đất.

Mặt khác, không thống nhất với kết quả giải quyết đơn của Chủ tịch UBND huyện C, bà Nguyễn Thị H đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh L. Ngày 26-11-2020, Chủ tịch UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 2709/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị H (lần hai) giữ nguyên Quyết định số 647/QĐ-UBND ngày 03-6-2020 của Chủ tịch UBND huyện C.

Nay Chủ tịch UBND huyện C đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng không hủy Quyết định số 647/QĐ-UBND ngày 03-6-2020 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị H (lần đầu).

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chi cục Thuế khu vực Đ - Đ - C trình bày:

- Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật đất đai số 45/2012/QH13 ngày 29-11-2013 của Quốc hội khóa 13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Căn cứ Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10-10-2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;
- Căn cứ Thông tư 301/2016/TT-BTC ngày 15-11-2016 hướng dẫn về lệ phí trước bạ;
- Căn cứ Quyết định số 69/2014/QĐ- UBND ngày 19-12-2014 của UBND tỉnh L về việc ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn các huyện, thành phố Bảo Lộc và thành phố Đà Lạt tỉnh Lâm Đồng;
- Căn cứ Phiếu chuyển thông tin số 123/PCTTĐC ngày 07-08-2018 của Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện Cát Tiên để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai (cấp mới giấy chứng nhận QSDĐ);
- Căn cứ Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 06-08-2018 của UBND huyện C về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H

đang sử dụng đất tại tổ dân phố 1, thị trấn Cát Tiên, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng.

Chi cục Thuế khu vực Đạ Huoai- Đạ Tẻh- Cát Tiên không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H vì trên cơ sở phiếu chuyển thông tin của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cát Tiên, Chi cục Thuế khu vực Đạ Huoai- Đạ Tẻh- Cát Tiên xác định nghĩa vụ tài chính phải nộp thì trường hợp của bà Nguyễn Thị H là người được cấp giấy chứng nhận QSDĐ theo Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 06-8-2018 của UBND huyện C thuộc đối tượng phải đóng lệ phí trước bạ nhà đất, nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 1, Điều 2 và Điều 3, Chương 1 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10-10-của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất. 2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện - Chủ tịch UBND tỉnh L trình bày trong quá trình tham gia tố tụng như sau:

- Về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất:

Theo tờ bản đồ địa chính số 8, thị trấn Đồng Nai (nay là thị trấn Cát Tiên đo vẽ năm 1992, bà Nguyễn Thị H sử dụng đất tại các thửa đất số 32/928m², thửa đất số 33/847m² và thửa đất số 31 (liền kề với thửa đất số 32, thể hiện là đất hoang (Hg), không thể hiện diện tích).

Nguồn gốc diện tích trên do ông (bà) Nguyễn Đăng N, Nguyễn Thị Rích tặng cho gia đình bà H năm 1985 (theo đơn đề nghị cho đất ngày 14-02-1985, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền). Bà H xây dựng nhà ở trên thửa đất số 32 vào năm 1985, năm 2009 xây dựng nhà trên thửa đất số 552 (thửa gốc số 33).

Năm 2000, gia đình bà Nguyễn Thị H chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 31 và một phần thửa đất số 32 cho các ông, bà Nguyễn Văn Theo, Nguyễn Thị Mãi, Nguyễn Văn Hiến, Hoàng Văn Thu. Sau khi chuyển nhượng, bà Nguyễn Thị H sử dụng 184m² còn lại tại thửa đất số 32 và toàn bộ thửa đất số 33.

Bà Nguyễn Thị H có kê khai đăng ký tại sổ mục kê, theo đó: thửa đất số 32, tờ bản đồ số 8, thị trấn Đồng Nai (nay là thị trấn Cát Tiên) do bà Nguyễn Thị H đăng ký sử dụng, diện tích 184m² (thổ cư).

Năm 2002, bà Nguyễn Thị H lập thủ tục cấp GCNQSD đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 26, thị trấn Cát Tiên và đã được UBND huyện C cấp GCNQSD đất số V 493323 với diện tích 184m² đất ở (T).

Năm 2010, khi triển khai dự án xây dựng cầu Hai Cô, bà Nguyễn Thị Hoà bị thu hồi 370m² đất tại thửa đất số 533 (thuộc một phần thửa đất số 33), tờ bản đồ số 26 thị trấn Cát Tiên theo Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 12-11-2010 của UBND huyện C.

Diện tích còn lại bà Nguyễn Thị H sử dụng là 346m² đất, trong đó có 184m² đất tại thửa đất số 32, đã được cấp GCNQSD đất số V 493323 ngày 15-12-2002 và 162m² đất tại thửa đất số 552 (thửa gốc số 33), tờ bản đồ số 26 chưa được cấp GCNQSD đất.

+ Về quá trình lập và giải quyết hồ sơ cấp GCNQSD đất tại thửa đất số 552, tờ bản đồ số 26, thị trấn Cát Tiên cho bà Nguyễn Thị H:

Ngày 04-7-2018, bà Nguyễn Thị H có Đơn đăng ký, đề nghị cấp GCNQSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với 162m² đất tại thửa đất số 552, tờ bản đồ số 26, thị trấn Cát Tiên.

Ngày 06-8-2018, UBND huyện C ban hành Quyết định số 123/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị H. Ngày 07-8-2018, phòng Tài nguyên và Môi trường có Phiếu chuyển thông tin số 123/PCTTĐC đối với hồ sơ cấp GCNQSDĐ của bà Nguyễn Thị H với nội dung: thửa đất số 522, tờ bản đồ số 26 diện tích 162m² đất; mục đích sử dụng đất ở đô thị (trong hạn mức 116m², ngoài hạn mức 46m²); nguồn gốc sử dụng đất: nhận tặng cho của anh trai là ông Nguyễn Đăng N vào thời điểm năm 1985; thời điểm xây dựng nhà ở từ tháng 01-2009.

Ngày 14-9-2018, Chi cục Thuế huyện C ban hành Thông báo số LTB1870321-TK0002265/TB-CCT thông báo số tiền sử dụng đất là 123.529.200 đồng.

Không đồng ý nộp số tiền nêu trên, bà Nguyễn Thị H đã có đơn kiến nghị gửi UBND huyện C, đề nghị giải quyết cấp GCNQSD đất cho bà không phải nộp tiền sử dụng đất vì bà đã nộp tiền thuế từ năm 1996 đến nay.

Ngày 19-3-2020, UBND huyện C có Thông báo số 33/TB-UBND về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị H với nội dung “việc bà Nguyễn Thị H đề nghị cấp đủ diện tích đất ở đối với diện tích 162m² thuộc thửa đất số 552, tờ bản đồ số 26 với hình thức không thu tiền sử dụng đất với lý do gia đình bà đã đóng đủ tiền thuế sử dụng đất là không có cơ sở để xem xét giải quyết”.

+ Về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H: Năm 2017, bà Nguyễn Thị H tiến hành lập hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 552, tờ bản đồ số 26, thị trấn Cát Tiên, huyện Cát Tiên với diện tích 162m². Sau đó bà có đơn khiếu nại yêu cầu công nhận đủ hạn mức 800m² đất ở đối với diện tích trên theo quy định tại Điều 3.4 Quyết định số 90/2001/QĐ-UB ngày 11-10-2001 của UBND tỉnh L, với lý do gia đình bà có 03 thế hệ cùng chung sống. Khiếu nại của bà Nguyễn Thị H đã được UBND huyện C giải quyết tại Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 19-5-2017 và UBND tỉnh L giải quyết tại Quyết định số 2162/QĐ-UBND ngày 09-10-2017 với nội dung không chấp nhận đơn.

- Căn cứ pháp lý để ban hành quyết định: Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011; Luật Đất đai số 45/2014/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm

2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Bà Nguyễn Thị H là người trực tiếp sử dụng diện tích 162m² đất và sử dụng vào mục đích đất ở từ năm 2009, không thuộc phần diện tích bà Nguyễn Thị H đóng thuế trước đó (bà Nguyễn Thị H cho rằng đã đóng tiền thuế nhà, đất từ năm 1996 đến năm 2010. Tuy nhiên, việc bà H đóng thuế nhà đất là đối với phần diện tích gia đình bà xây dựng nhà ở từ năm 1985 tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 26 với diện tích 184m² đất, đã được UBND huyện C cấp GCNQSD đất năm 2002). Căn cứ theo quy định tại khoản 6 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 và khoản 1 Điều 9 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì khi thực hiện thủ tục cấp GCNQSD đất công dân phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Mặt khác, căn cứ khoản 21 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 quy định về tiền sử dụng đất: “21. Tiền sử dụng đất là số tiền mà người sử dụng đất phải trả cho Nhà nước khi được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất” thì việc nộp thuế không phải là nộp tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất.

-Từ các căn cứ pháp lý nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên xử không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, giữ nguyên Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 26-11-2020 của Chủ tịch UBND tỉnh L về việc giải khiếu nại của bà Nguyễn Thị H (lần 2).

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2021/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu hủy:

- Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất số LTB1870321-Tk0002260/TB-CCT ngày 14-9-2018 của Chi cục Thuế huyện C.

- Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB1870321-TK0002265/TB-CCT ngày 14-9-2018 của Chi cục Thuế huyện C.

- Quyết định số 647/QĐ-UBND ngày 03-6-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H (lần đầu);

- Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 26-11-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L về giải quyết khiếu nại (lần 2);

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/10/2021, bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 43/2021/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy hoặc sửa toàn bộ bản án, chấp nhận đơn khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và điều chỉnh yêu cầu kháng cáo, cụ thể: Bà H không yêu cầu hủy án sơ thẩm mà chỉ yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, hủy các Quyết định hành chính mà bà đã khởi kiện.

Lý do: Diện tích đất 162m² thuộc thửa đất số 552, tờ bản đồ số 26, thị trấn Cát Tiên bà H đã đóng thuế sử dụng đất và thuế nhà, đất hàng năm từ khi sử dụng đến nay. Như vậy, bà H thuộc diện người sử dụng đất trước ngày 15-10-1993, đã đóng thuế sử dụng đất và thuế nhà, đất hàng năm đầy đủ từ khi sử dụng đến nay thì phải được giao đất không thu tiền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

- Người đại diện theo ủy quyền của Chi cục Thuế khu vực Đ - Đ - C trình bày không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H. Vì cho rằng, trên cơ sở phiếu chuyển thông tin của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C. Căn cứ luật đất đai năm 2003; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014; Khoản 1, Điều 2 và Điều 3, Chương 1 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10-10-2016 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Chi cục Thuế khu vực Đ- Đ- C xác định nghĩa vụ tài chính phải nộp thì trường hợp của bà Nguyễn Thị H là người được cấp giấy chứng nhận QSDĐ theo Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 06-8-2018 của UBND huyện C thuộc đối tượng phải đóng lệ phí trước bạ nhà đất và nộp tiền sử dụng đất 100% khi được công nhận quyền sử dụng đất.

Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 43/2021/HC-ST ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân Tỉnh Lâm Đồng.

- Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện C và người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh L vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xử vắng mặt).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Chủ tọa, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính trong giai đoạn phúc thẩm. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Trên cơ sở nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của bà H, đối chiếu với qui định của pháp luật, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H có trình bày bà đã đóng thuế sử dụng đất và thuế nhà, đất hàng năm từ khi sử dụng đến nay nên thuộc diện người sử dụng đất trước ngày 15-10-1993, đã đóng thuế đầy đủ từ khi sử dụng đến nay thì phải được giao đất không thu tiền sử dụng đất. Tuy nhiên, xét các khoản thuế hộ bà Nguyễn Thị H đóng là thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế nhà đất hàng năm

cho nhà nước, không phải nộp tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất.

Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 43/2021/HC-ST ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân Tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh L và người đại diện theo ủy quyền của chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cát Tiên có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà:

[2.1] Tính hợp pháp về thẩm quyền ban hành các Quyết định hành chính bị khiếu kiện:

- Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB1870321-TK0002265/TB-CCT ngày 14-9-2018 và Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất số LTB1870321-Tk0002260/TB-CCT ngày 14-9-2018 được ban hành đúng theo trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định tại Luật Quản lý thuế, Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10-10-2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ, Thông tư 301/2016/TT-BTC ngày 15-11-2016 hướng dẫn về lệ phí trước bạ.

- Việc ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 1) của Chủ tịch UBND huyện C và Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) của Chủ tịch UBND tỉnh L là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011, Luật Đất đai số 45/2014/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai, Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại, Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

[2.2]. Tính hợp pháp về hình thức, nội dung của các Quyết định hành chính bị khiếu kiện:

-Theo Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB1870321-TK0002265/TB-CCT ngày 14-9-2018 của Chi cục Thuế huyện C; Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất số LTB1870321-Tk0002260/TB-CCT ngày 14-9-2018 của Chi cục Thuế huyện C đều có nội dung xác định bà Nguyễn Thị H đóng tiền sử dụng đất diện

tích 162m² thuộc thửa 552, tờ bản đồ số 26, giá đất tính tiền sử dụng đất 750.000đ x 162m² = 123.529.200đ, theo hình thức công nhận quyền sử dụng đất ở cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất được giao không đúng thẩm quyền trước ngày 01/7/2014, không có nhà ở, được xác định là đất nông nghiệp nay chuyển sang đất ở. Tại Quyết định số 647/QĐ-UBND ngày 03-6-2020 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H (lần đầu) và Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 26-11-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L về giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H (lần 2) cũng đều xác định bà H phải đóng thuế sử dụng đất 162 m² và bác yêu cầu khiếu nại của bà H.

- Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị H cho rằng bà đã đóng đủ tiền thuế sử dụng đất hàng năm với diện tích 400m² (trong đó có 162m² tại thửa 552) từ năm 1988 đến năm 1996 và từ năm 1996 đến năm 2010 đóng thuế nhà đất. Do đó, bà không thuộc trường hợp phải đóng tiền sử dụng đất khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 162m². Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.3]. Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất:

[2.3.1]. Theo tờ bản đồ địa chính số 8, thị trấn Đ (nay là thị trấn C đo vẽ năm 1992, bà Nguyễn Thị H sử dụng đất tại các thửa số 32/928m², thửa số 33/847m² và thửa số 31 (liền kề với thửa đất số 32, thể hiện là đất hoang (Hg), không thể hiện diện tích). Nguồn gốc diện tích trên do ông (bà) Nguyễn Đăng N, Nguyễn Thị R tặng cho gia đình bà H năm 1985 (theo đơn đề nghị cho đất ngày 14-02-1985, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền). Bà H xây dựng nhà ở trên thửa đất số 32 vào năm 1985.

[2.3.2]. Năm 2000, gia đình bà Nguyễn Thị H chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 31 và một phần thửa đất số 32 cho các ông, bà Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn H, Hoàng Văn T. Sau khi chuyển nhượng, bà Nguyễn Thị H sử dụng 184m² đất còn lại tại thửa đất số 32 và toàn bộ thửa đất số 33. Năm 2009, bà H xây dựng nhà trên thửa đất số 552 (thửa gốc số 33). Bà Nguyễn Thị H có kê khai đăng ký tại sổ mục kê, theo đó: thửa đất số 32, tờ bản đồ số 8, thị trấn Đ (nay là thị trấn C) do bà Nguyễn Thị H đăng ký sử dụng, diện tích 184m² (thổ cư). Năm 2002, bà Nguyễn Thị H lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 26, thị trấn Cát Tiên và đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 493323 với diện tích 184m² đất ở (T).

[2.3.3]. Năm 2010, khi triển khai dự án xây dựng cầu Hai Cô, bà Nguyễn Thị H bị thu hồi 370m² đất tại thửa đất số 533 (thuộc một phần thửa đất số 33), tờ bản đồ số 26 thị trấn Cát Tiên theo Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 12-11-2010 của UBND huyện C. Diện tích còn lại bà Nguyễn Thị H sử dụng là 346m² đất, trong đó có 184m² đất tại thửa đất số 32, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 493323 ngày 15-12-2002 và 162m² đất tại thửa đất số 552 (thửa gốc số 33), tờ bản đồ số 26 chưa được cấp GCNQSD đất. Đối chiếu với bản đồ địa chính đo đạc năm 1991, đo chỉnh lý năm 2001 của thị trấn Đ (nay là thị trấn C) thì diện tích 162m² thuộc thửa đất số 552, tờ bản đồ số 26 thể hiện là đất màu và một phần diện tích đất là hành lang bảo vệ suối Hai Cô.

[2.3.4]. Năm 2015, bà Nguyễn Thị H đề nghị đo đạc và đăng ký xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 552, tờ bản đồ số 26, diện tích 162m². Theo báo cáo số 25/BC-UBND ngày 17/3/2020 của UBND thị trấn C về việc lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc đất của bà Nguyễn Thị H, thể hiện thời điểm sử dụng đất với mục đích là đất ở (xây dựng nhà ở trên thửa đất số 552, tờ bản đồ số 26, diện tích 162m²) của bà Nguyễn Thị H được xác định là năm 2009. Bà Nguyễn Thị H cho rằng bà đã đóng thuế nhà đất từ năm 1996 đến năm 2010. Tuy nhiên, việc bà H đóng thuế nhà đất là đối với diện tích bà đã xây nhà ở từ năm 1985, tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 26 đối với diện tích 184 m² đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2002.

[2.3.5]. Căn cứ Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân chuyển từ đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở thuộc khu dân cư không được công nhận là đất ở theo quy định tại Khoản 6 Điều 103 Luật Đất đai sang làm đất ở; chuyển từ đất có nguồn gốc là đất vườn, ao gắn liền nhà ở nhưng người sử dụng đất tách ra để chuyển quyền hoặc do đơn vị đo đạc khi đo vẽ bản đồ địa chính từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 đã tự đo đạc tách thành các thửa riêng sang đất ở thì thu tiền sử dụng đất bằng 50% chênh lệch giữa tiền sử dụng đất tính theo giá đất ở với tiền sử dụng đất tính theo giá đất nông nghiệp tại thời điểm có quyết định chuyển mục đích của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

Tại khoản 21 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 quy định về tiền sử dụng đất: “Tiền sử dụng đất là số tiền mà người sử dụng đất phải trả cho Nhà nước khi được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất”.

Theo quy định tại khoản 6 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 và khoản 1 Điều 9 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì khi thực hiện thủ tục cấp GCNQSD đất công dân phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

[2.3.6]. Như vậy, trên cơ sở nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của bà H, đối chiếu với các qui định của pháp luật nêu trên thì diện tích đất bà H xin cấp giấy 162m² thuộc thửa đất số 552, tờ bản đồ số 26, thị trấn Cát Tiên, thuộc trường hợp phải đóng thuế sử dụng đất khi được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3].Việc bà Nguyễn Thị H kháng cáo cho rằng diện tích đất 162m² nêu trên bà H đã đóng thuế sử dụng đất và thuế nhà, đất hàng năm từ khi sử dụng đến nay nên bà H thuộc diện người sử dụng đất trước ngày 15-10-1993, đã đóng thuế sử dụng đất và thuế nhà, đất hàng năm đầy đủ từ khi sử dụng đến nay thì phải được giao đất không thu tiền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 1993 quy định về nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp như sau:

“Điều 1: Tổ chức, các nhân sử dụng đất vào sản xuất nông nghiệp đều phải nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp (gọi chung là hộ nộp thuế); Hộ được giao quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không sử dụng vẫn phải nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp”.

Điều 2: Đất chịu thuế sử dụng đất nông nghiệp là đất dùng vào sản xuất nông nghiệp bao gồm: Đất trồng trọt; Đất cỏ mặt nước nuôi trồng thủy sản; Đất rừng trồng”...

Điều 5: Căn cứ tính thuế sử dụng đất nông nghiệp: Diện tích; Hạng đất; Định suất thuế tính bằng kilôgam thóc trên một đơn vị diện tích của từng hạng đất.”

Theo Pháp lệnh về thuế nhà, đất năm 1991 quy định về nộp thuế nhà đất như sau:

“Điều 1: Thuế nhà đất là thuế thu đối với nhà và đối với đất ở, đất xây dựng công trình ”.

“Điều 2: Tổ chức, cá nhân có quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất ở, đất xây dựng công trình, gọi chung là chủ nhà đất, đều phải nộp thuế nhà đất...”.

“Điều 8: Căn cứ tính thuế nhà đất là diện tích nhà, diện tích đất, giá tính thuế mỗi mét vuông đối với từng hạng nhà, hạng đất và thuế suất ”.

Theo Điều 4 Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 2010 quy định: *“Người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có quyền sử dụng đất thuộc đối tượng chịu thuế. Đối tượng chịu thuế bao gồm: Đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị...”.*

Theo Khoản 2, Điều 3, Thông tư 153/2011/TT-BTC ngày 11-11-2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thuế phi nông nghiệp, quy định: *“Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) thì người đang sử dụng đất là người nộp thuế”.*

Đối chiếu với các biên lai đóng thuế và sổ theo dõi thu thuế do bà H cung cấp thể hiện hộ bà Nguyễn Thị H chỉ đóng thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế nhà đất hàng năm cho nhà nước, không phải nộp tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất.

[4] Từ sự phân tích từ mục [2] đến hết mục [3] nêu trên. Có cơ sở xác định việc ban hành các quyết định hành chính: Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất số LTB1870321-Tk0002260/TB-CCT ngày 14-9-2018 của Chi cục Thuế huyện C; Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB1870321-TK0002265/TB-CCT ngày 14-9-2018 của Chi cục Thuế huyện C; Quyết định số 647/QĐ-UBND ngày 03-6-2020 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H (lần đầu); Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 26-11-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L về giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H (lần 2) là đúng qui định của pháp luật. Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2021/HC-ST ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân Tỉnh Lâm Đồng đã giải quyết bác các yêu cầu khởi kiện của bà Hòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị H yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà nhưng ngoài lời trình bày bà H không cung cấp được thêm bất cứ tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng

minh cho yêu cầu kháng cáo của bà là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H.

[6]. Có cơ sở chấp nhận đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Chi cục thuế khu vực Đ- Đ - C.

[7]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 43/2021/HC-ST ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân Tỉnh Lâm Đồng. Ý kiến phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với chứng cứ và nhận định trên của Hội đồng xét xử.

[8]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo, người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, bà H thuộc trường hợp người cao tuổi, có yêu cầu miễn án phí. Căn cứ Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xét miễn án phí phúc thẩm cho bà H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Luật Quản lý thuế; Luật đất đai năm 2013; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10-10-2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư 301/2016/TT-BTC ngày 15-11-2016 hướng dẫn về lệ phí trước bạ; Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Bác yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 43/2021/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

1.1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu hủy:

- Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất số LTB1870321-Tk0002260/TB-CCT ngày 14-9-2018 của Chi cục Thuế huyện C;

- Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB1870321-TK0002265/TB-CCT ngày 14-9-2018 của Chi cục Thuế huyện C;

- Quyết định số 647/QĐ-UBND ngày 03-6-2020 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H (lần đầu);

- Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 26-11-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L về giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H (lần 2).

1.2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H được xét miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (1);
- TAND tỉnh Lâm Đồng (1);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng (1);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP (17b), PMT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hoa